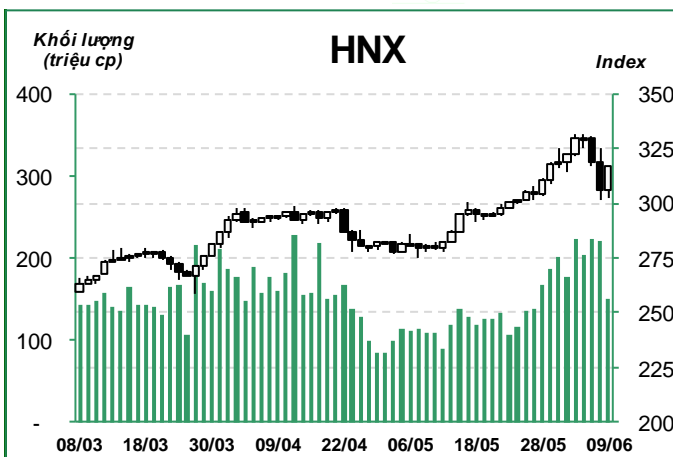
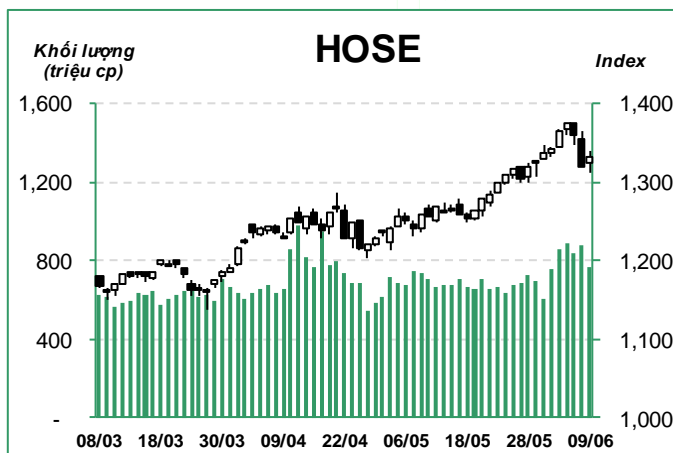


Tổng quan thị trường

09/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,332.90	0.99%	1,457.76	1.31%	316.87	3.42%
Cuối tuần trước	1,374.05	-2.99%	1,508.35	-3.35%	329.76	-3.91%
Trung bình 20 ngày	1,316.54	1.24%	1,444.08	0.95%	309.68	2.32%
Tổng KLGD (triệu cp)	822.29	-11.06%	283.83	-16.99%	151.76	-36.20%
KLGD khớp lệnh	769.83	-11.98%	279.95	-14.77%	150.54	-32.26%
Trung bình 20 ngày	726.57	5.95%	275.81	1.50%	162.18	-7.18%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	25,873.36	-14.60%	13,820.10	-20.95%	3,650.32	-35.85%
GTGD khớp lệnh	24,224.68	-13.88%	13,554.07	-19.01%	3,619.22	-31.38%
Trung bình 20 ngày	23,226.17	4.30%	13,692.06	-1.01%	3,742.71	-3.30%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	222	49%	18	60%	116	31%
Số mã giảm	170	38%	11	37%	77	21%
Số mã đứng giá	58	13%	1	3%	176	48%



Sau 2 phiên điều chỉnh giảm sâu liên tiếp, thị trường xuất hiện bất đậy và lấy lại sắc xanh nhờ sự tỏa sáng của nhóm ngân hàng và chứng khoán. Tuy nhiên, tâm lý của các nhà đầu tư vẫn cho thấy sự thận trọng khi thanh khoản giảm mạnh so với phiên hôm trước và dòng tiền không có sự lan tỏa mạnh mẽ đến nhiều nhóm ngành. Bên cạnh đó, việc khối ngoại gia tăng bán ròng trở lại cũng phần nào gây áp lực đến diễn biến thị trường chung.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tăng trở lại lên mức 1,332.90 điểm (+0.99%). KLGD khớp lệnh đạt 769.8 triệu cổ phiếu (-12.0%), tương đương 24,225 tỷ đồng giá trị (-13.9%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua với 222 mã tăng/170 mã giảm.

Mặc dù chỉ số tăng tốt, dòng tiền đổ vào thị trường chưa cho thấy sự đồng thuận khi chỉ tập trung phần lớn ở các cổ phiếu Bluechips. Trong đó, Novaland-NVL (+6.0%) cùng một số cổ phiếu nhóm ngân hàng như Vietcombank-VCB (+2.0%), Vietinbank-CTG (+3.1%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+5.6%) dẫn đầu đà tăng cho chỉ số. Bên cạnh đó, nhiều cổ phiếu trong nhóm chứng khoán cũng đóng cửa với mức tăng trần và gần trần như Chứng khoán SSI-SSI (+6.1%), Chứng khoán Bản Việt-VCI (+6.3%), Chứng khoán VietinBank-CTS (+6.7%). Ở chiều ngược lại, SeABank-SSB (-6.5%), Vingroup-VIC (-0.8%), PV Gas-GAS (-0.8%) và Vinamilk-VNM (-0.7%) là những cổ phiếu giảm điểm tác động tiêu cực đến chỉ số.

Khối ngoại gia tăng bán ròng trên sàn HoSE hôm nay, đạt giá trị 642.8 tỷ đồng (+78.8%). Trong đó, khối ngoại tập trung xả các cổ phiếu Hòa Phát-HPG (-515.9 tỷ), Đất Xanh-DXG (-427.7 tỷ), Novaland-NVL (-136.1 tỷ). Trái lại, khối này mua ròng chủ yếu là Vinhomes-VHM (+71.4 tỷ), Sacombank-STB (+57.7 tỷ), NH Phương Đông-OCB (+57.2 tỷ).

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
EIB	7,497.5	231.66
VNM	1,187.1	106.07
VIB	1,950.0	98.55
E1VFN30	3,700.0	90.51
HAG	15,188.8	81.72
OPC	1,188.2	69.63
AGG	1,401.0	65.52
SHI	1,598.1	46.51
GAS	400.0	35.05
SAM	2,957.0	30.31
HNX		
IDC	570.0	21.87
AMV	400.0	4.00
NVB	119.0	2.26
MKV	48.4	1.48
VC3	41.0	0.82
HTC	9.8	0.31
VMS	28.0	0.28

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa gần như cao nhất trong ngày tại mức 316.87 điểm (+3.42%). Mặc dù lấy lại phần lớn số điểm đã mất trong phiên hôm qua, thanh khoản lại giảm đi đáng kể. KLGD khớp lệnh đạt 150.5 triệu cổ phiếu (-32.3%), tương đương 3619.2 tỷ đồng giá trị (-31.4%).

Làn sóng bắt đáy cũng quay trở lại ở các cổ phiếu trụ trên sàn HNX, đặc biệt là các cổ phiếu trong nhóm ngân hàng với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+7.9%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (+4.2%) và chứng khoán với Chứng khoán VNDIRECT-VND (+9.9%), Chứng khoán MB-MBS (+9.4%) hay Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+7.9%). Trong khi đó, tín hiệu ở nhóm dầu khí không đồng thuận khi ngoại trừ Dầu khí PTSC-PVS (+5.2%) tăng tốt, các cổ phiếu vốn hóa nhỏ hơn trong nhóm như Hóa dầu Petrolimex-PLC (-2.3%), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (-1.6%) đóng cửa giảm điểm.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn HNX với giá trị bán ròng đạt 27.6 tỷ đồng. Nguyên nhân chính khiến khối ngoại bán ròng trở lại đến từ lượng bán mạnh của Chứng khoán VNDIRECT-VND (-37.9 tỷ). Trong khi đó, lực mua tập trung ở Bảo hiểm PVI-PVI (+4.8 tỷ), Vicostone-VCS (+2.3 tỷ) và Tập đoàn PAN-PAN (+1.4 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tuy có suy giảm nhưng vẫn trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số vẫn đang nắm trong xu hướng tăng, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA20 và đường MA này vẫn giữ trạng thái hướng lên tích cực. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, chỉ số vẫn chịu sức ép của MA5, cùng với MACD hướng xuống, cho thấy áp lực điều chỉnh có thể vẫn chưa được rũ bỏ hết. Do đó, trong một vài phiên tới chỉ số không thể vượt qua được khu vực 1,345 – 1.350 điểm (MA5) thì áp lực chốt lời có thể quay lại và đẩy chỉ số vào một nhịp rũ bỏ mới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại từ khu vực hỗ trợ quanh MA20, cùng với RSI có dấu hiệu phục hồi trở lại từ vùng 60, cho thấy xu hướng chính vẫn là tăng điểm. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể sớm vượt qua khu vực kháng cự quanh 320 điểm (MA5) để quay lại xu hướng tăng chính. Nhìn chung, thị trường duy trì xu hướng tăng, nhưng áp lực từ nhịp điều chỉnh kỹ thuật vẫn chưa được rũ bỏ hết. Do đó, nhà đầu tư nên hạn chế mua đuổi giá cao với các vị thế lướt sóng ngắn hạn và chờ đợi các tín hiệu xác nhận kết thúc nhịp rũ bỏ trước khi có quyết gia tăng tỷ trọng.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DBT	18.4	1,438.2	7.0%
SMA	10.0	21.6	7.0%
VMD	36.3	68.7	6.9%
TGG	5.1	546.4	6.9%
SJS	52.7	337.4	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ABS	38.6	140.4	-7.0%
DXG	24.1	43,154.8	-6.9%
FUCTVGF2	12.1	0.3	-6.9%
PSH	29.2	262.4	-6.9%
MDG	11.6	10.3	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	71.8	2,388.6	0.4%
HPG	50.3	2,071.7	0.6%
MBB	38.6	1,154.7	3.4%
TCB	50.8	1,123.7	2.6%
STB	29.6	1,120.9	3.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DXG	24.1	43,154.8	-6.9%
HPG	50.3	41,341.8	0.6%
STB	29.6	38,519.5	3.5%
VPB	71.8	33,409.2	0.4%
MBB	38.6	30,626.6	3.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
APS	14.3	2,062.8	10.0%
WSS	8.8	205.9	10.0%
ECI	35.3	0.1	10.0%
VND	57.6	7,271.6	9.9%
BSI	20.0	1,811.3	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
AMC	18.0	0.3	-10.0%
SIC	20.2	0.1	-9.8%
PPE	13.2	8.9	-9.6%
LM7	4.8	0.1	-9.4%
PDC	4.9	0.1	-9.3%

Top 5 giá trị

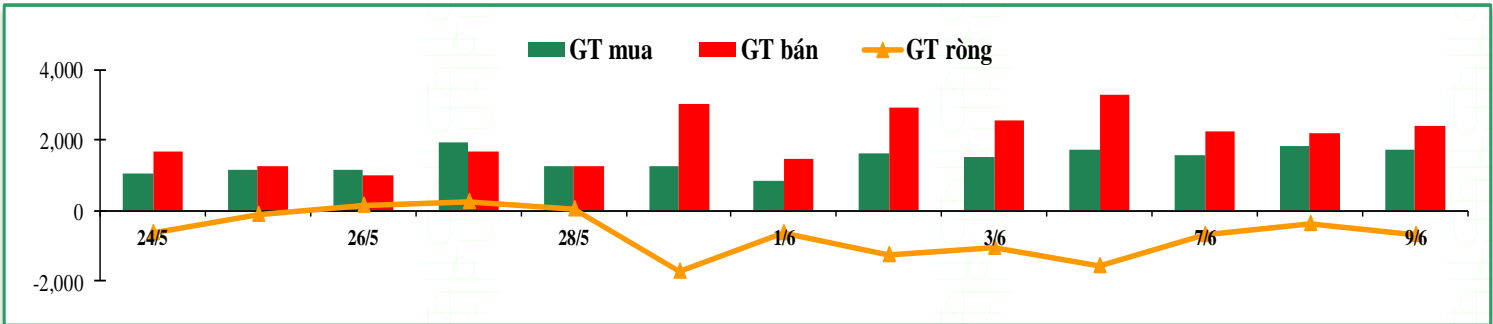
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	31.3	888.1	7.9%
PVS	28.4	561.0	5.2%
VND	57.6	404.1	9.9%
SHS	36.8	382.9	7.9%
IDC	38.1	173.8	0.8%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	31.3	29,915.6	7.9%
PVS	28.4	20,035.9	5.2%
SHS	36.8	10,733.9	7.9%
VND	57.6	7,271.6	9.9%
ART	10.5	7,113.3	5.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,719.8	6.6%	2,362.5	9.1%	-642.8
HNX	32.1	0.9%	59.7	1.6%	-27.6
Tổng số	1,751.9		2,422.2		-670.4



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	89.1	173.5	-0.7%
HPG	50.3	130.0	0.6%
VRE	31.7	113.6	0.2%
VHM	106.1	100.2	0.8%
E1VFN30	24.6	99.2	0.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	50.3	645.9	0.6%
DXG	24.1	447.0	-6.9%
VNM	89.1	161.7	-0.7%
NVL	106.3	152.4	6.0%
E1VFN30	24.6	98.3	0.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	106.1	71.4	0.8%
STB	29.6	57.7	3.5%
OCB	30.7	57.2	3.5%
CTG	50.5	57.1	3.1%
HDB	33.4	53.5	3.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	57.6	12.5	9.9%
PVI	35.6	5.9	0.0%
VCS	98.7	2.8	0.0%
SHB	31.3	2.7	7.9%
PAN	27.1	1.4	3.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	57.6	50.4	9.9%
SHB	31.3	2.0	7.9%
NTP	48.5	1.2	3.2%
PVI	35.6	1.1	0.0%
BVS	27.7	0.8	9.5%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	35.6	4.8	0.0%
VCS	98.7	2.3	0.0%
PAN	27.1	1.4	3.0%
THD	194.0	1.1	0.6%
SHB	31.3	0.7	7.9%

Tin trong nước

Thặng dư thương mại với Hoa Kỳ hơn 31 tỷ USD sau 5 tháng

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Công thương, cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng 5/2021 ước tính nhập siêu 2 tỷ USD. Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu cao hơn kim ngạch xuất khẩu khiến cán cân thương mại hàng hóa 5 tháng đầu năm 2021 ước tính nhập siêu 369 triệu USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,87 tỷ USD); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 12,37 tỷ USD.

Cụ thể, trong 5 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 37,6 tỷ USD, tăng 49,8% so với cùng kỳ năm trước.

Ở chiều ngược lại, 5 tháng đầu năm nay, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 43,5 tỷ USD, tăng 53,3% so với cùng kỳ năm trước

Như vậy, Việt Nam đang có mức thặng dư thương mại 31,2 tỷ USD với Hoa Kỳ, thặng dư 9,4 tỷ USD so với EU và thâm hụt 23,4 tỷ USD so với Trung Quốc.

Đối tác Apple, Microsoft và Sony sẽ đầu tư thêm 101 triệu USD vào Việt Nam

Nguồn tin *Reuters* cho biết Pegatron, đối tác sản xuất chính của Apple, Microsoft và Sony sẽ đầu tư thêm 101 triệu USD vào Việt Nam để sản xuất và kinh doanh máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử... Kế hoạch đầu tư ra nước ngoài của Pegatron đã được nhà chức trách Đài Loan phê duyệt.

Trung tuần tháng 9/2020, Bộ Kế hoạch & Đầu tư đã báo cáo Thủ tướng về việc Pegatron có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam. Theo đó, nhà đầu tư Đài Loan dự kiến thực hiện một tổ hợp công nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao trị giá 1 tỷ USD gồm 3 dự án.

Trong đó, Pegatron Việt Nam 1 với tổng vốn đầu tư 19 triệu USD đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận đầu tư vào 17/3. Pegatron Việt Nam 2 dự kiến có tổng vốn đầu tư 481 triệu USD, đang trong giai đoạn thực hiện thủ tục đầu tư. Cuối cùng, Pegatron Việt Nam 3 sẽ có tổng mức đầu tư 500 triệu USD, dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2026-2027

Nguồn: NDH, Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Techcombank khóa 'room' ngoại gần 22,5%

Theo thông tin từ Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE), Techcombank (HoSE: TCB) sẽ thực hiện giới hạn sở hữu của nhà đầu tư ngoại ở mức 22,4908%. Tại thời điểm cuối năm 2020, tỷ lệ sở hữu cổ đông nước ngoài của Techcombank là 22,5%

Kết thúc quý I, Techcombank lãi trước thuế hơn 5.518 tỷ đồng, tăng 77%, tương đương 28% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế lũy kế hơn 36.212 tỷ đồng.

Đến 31/3, tổng tài sản tăng 5% so với cuối năm trước, ở mức 462.823 tỷ đồng. Cho vay khách hàng tăng 7% lên 296.290 tỷ đồng. Nợ xấu giảm 12% so với đầu năm, còn hơn 1.135 tỷ đồng.

TPBank sẽ chào bán riêng lẻ 100 triệu cổ phiếu

HĐQT TPBank (HoSE: TPB) thông qua phương án tăng vốn điều lệ thêm 1.000 tỷ đồng lên gần 11.717 tỷ đồng, bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ được cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2021.

Ngân hàng dự kiến phát hành riêng lẻ 100 triệu cổ phiếu, tương đương 9,33% vốn cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế 3 năm chuyển nhượng đối với nhà đầu tư chiến lược và một năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Gelex dự kiến mua 15 triệu cổ phiếu NLG trong đợt phát hành riêng lẻ

HĐQT Đầu tư Nam Long (HoSE: NLG) vừa thông qua phương án phát hành riêng lẻ 60 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Giá chào bán dự kiến trong khoảng từ 30.800 đồng đến 37.600 đồng/cp. Cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm.

Doanh nghiệp sẽ chào bán cho khoảng 9 nhà đầu tư chuyên nghiệp, trong đó có nhiều quỹ ngoại thuộc nhóm Dragon Capital, PYN Elite, KIM Vietnam Growth Equity Fund thuộc KIM...

Ngoài ra, một đơn vị đáng chú ý xuất hiện trong danh sách nhà đầu tư dự kiến lần này là Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (Gelex, HoSE: GEX). Được biết, Gelex sẽ là một trong 2 nhà đầu tư được phân phối lượng cổ phiếu NLG nhiều nhất với 15 triệu đơn vị, tương đương 4,3%. Đơn vị được mua nhiều nhất là cổ đông lớn của Nam Long - CTCP Đầu tư Thái Bình (TBS Group), với 15,6 triệu cổ phiếu.

Sau khi phát hành, vốn điều lệ Nam Long dự kiến tăng lên 3.452,7 tỷ đồng. Tổng tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho việc mở rộng quỹ đất và đầu tư vào dự án Akari.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Mua	10/06/21	31.7	31.7	0.0%	36	13.6%	30	-5.4%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	TNG	Quan sát mua	10/06/21	22.7	26-28	Nhịp điều chỉnh về retest MA50 ko quá xấu với vol thấp + nền hồi phục kèm vol tăng trở lại -> có cơ hội tăng trở lại và break kháng cự quanh 24
2	SZC	Quan sát mua	10/06/21	38.1	43-44	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ quanh 37.5 ko quá xấu với nền nhỏ, vol thấp + xuất hiện nền Spinning dài -> có cơ hội tăng về lại đỉnh cũ
3	HAH	Quan sát mua	10/06/21	28.1	32-33	Ko điều chỉnh nhiều trong điều kiện hiện tại + xuất hiện nền rút chân dài cho khả năng retest hỗ trợ 26-26.5 thành công -> có cơ hội tăng vượt đỉnh

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Mua	28/04/21	53.6	49.9	7.4%	55	10.2%	47	-6%	
2	SSI	Nắm giữ	13/05/21	46.7	34.8	34.2%	52.2	50.0%	33.5	-4%	
3	PVS	Nắm giữ	19/05/21	28.4	21.8	30.3%	31.3	44%	20.5	-6%	
4	VHM	Mua	20/05/21	106.1	100.4	5.7%	110	10%	96.5	-4%	
5	BVH	Mua	04/06/21	56.4	54.9	2.7%	63	15%	53	-3%	
6	PAN	Mua	07/06/21	27.1	27	0.4%	31	15%	25.4	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 09/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,980	0.8%	248%	11,890	13	81,700	7,381	(1,599)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,500	18.4%	200%	8,930	26	81,700	1,407	(3,093)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,600	-2.7%	260%	2,320	105	33,400	777	(2,823)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	43,000	4.4%	654%	1,790	21	50,300	34,760	(8,240)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,500	3.7%	710%	10,350	105	50,300	1,477	(7,023)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	28,200	3.3%	327%	9,220	26	50,300	13,375	(14,825)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,200	4.8%	264%	8,060	27	50,300	5,578	(8,622)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	9,000	-2.3%	500%	9,780	26	50,300	2,531	(6,469)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,300	3.8%	443%	22,780	61	50,300	5,634	(10,666)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,480	-0.2%	229%	11,630	79	50,300	1,091	(12,389)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,670	-0.7%	336%	18,220	64	50,300	1	(5,669)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,590	-0.4%	366%	40,350	64	50,300	1	(5,589)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,890	3.5%	143%	9,750	68	38,900	2,919	(971)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,000	4.9%	200%	3,010	105	38,900	1,163	(1,837)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,750	-2.9%	105%	11,030	65	38,900	3,959	(1,791)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	21,610	2.9%	370%	13,550	5	38,550	22,555	945	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	7,200	4.5%	350%	27,000	27	38,550	6,296	(904)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,450	4.9%	188%	12,150	64	38,550	423	(3,027)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,980	3.8%	184%	4,870	105	104,500	366	(2,614)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,580	-2.6%	158%	12,830	105	104,500	107	(2,473)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,140	-1.0%	105%	3,640	65	104,500	2,807	(3,333)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	23,400	0.7%	95%	1,210	21	136,400	20,259	(3,141)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,550	-1.9%	6%	7,980	27	136,400	1,959	(591)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,290	3.1%	110%	1,940	54	136,400	3,357	(2,933)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	1,930	11.6%	2%	11,150	26	136,400	810	(1,120)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,600	-1.2%	258%	570	(79)	136,400	(317)	(8,917)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,510	0.0%	53%	7,000	79	136,400	867	(3,643)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,840	6.0%	684%	149,510	2	106,300	5,798	(2,042)	KIS	NVL	63,979	7.3	11/06/2021
CNVL2101	1,000	5,450	4.8%	445%	18,790	105	106,300	2,460	(2,990)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,450	11.3%	214%	18,350	110	106,300	3	(3,447)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,940	-3.2%	258%	15,600	79	82,200	134	(3,806)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,410	-2.0%	301%	1,560	110	82,200	297	(4,113)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,300	4.6%	35%	12,140	27	95,800	1,810	(490)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,190	1.8%	160%	4,500	54	95,800	3,211	(1,979)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,500	-18.6%	21%	5,190	9	95,800	3,408	(92)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,400	-3.6%	4%	20,190	27	55,500	1,894	(506)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,610	1.2%	137%	7,270	105	21,000	23	(2,587)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	9,060	1.1%	724%	50,000	2	29,600	8,801	(259)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	17,900	8.5%	371%	4,400	5	29,600	17,604	(296)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	6,850	12.3%	585%	8,300	105	29,600	3,871	(2,979)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,820	8.2%	459%	18,360	61	29,600	5,832	(1,988)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,600	0.0%	165%	13,600	79	29,600	6,807	(3,793)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	28,900	0.4%	435%	8,900	51	50,800	28,866	(34)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,700	2.2%	374%	12,620	118	50,800	20,014	(3,686)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,200	2.2%	257%	26,750	27	50,800	7,429	(771)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,350	3.9%	222%	34,790	61	50,800	7,714	(1,636)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,200	2.1%	260%	6,380	79	50,800	2,670	(4,530)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,230	2.3%	39%	12,680	68	22,000	36	(2,194)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,900	-1.7%	190%	2,710	105	22,000	77	(2,823)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,030	0.7%	10%	5,400	65	22,000	19	(3,011)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,780	-1.1%	48%	9,760	64	22,000	0	(1,780)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,610	-2.4%	15%	155,420	2	106,100	1,722	112	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,580	3.8%	225%	2,560	105	106,100	240	(3,340)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	3,000	1.4%	58%	24,520	27	106,100	1,924	(1,076)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,250	0.9%	103%	22,680	61	106,100	859	(2,391)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,850	1.3%	157%	3,020	65	106,100	402	(3,448)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,440	-3.1%	165%	47,640	64	106,100	6	(3,434)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,230	-20.1%	-18%	99,360	2	118,800	1,194	(36)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,450	11.3%	245%	3,900	105	118,800	81	(3,369)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,740	5.4%	149%	9,670	110	118,800	0	(2,740)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2006	1,000	150	-21.1%	-85%	110,570	2	115,300	210	60	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	40	0.0%	-96%	181,750	2	89,100	0	(40)	KIS	VNM	133,333	16.1	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,200	0.0%	100%	2,390	105	89,100	0	(2,200)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	730	2.8%	-57%	8,490	27	89,100	(0)	(730)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2103	1,700	240	-20.0%	-86%	13,700	9	89,100	(0)	(240)	MBS	VNM	104,000	9.9	18/06/2021
CVNM2104	1,480	2,810	-4.8%	90%	7,840	96	89,100	6	(2,804)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,800	-2.2%	64%	8,370	110	89,100	0	(1,800)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	46,000	4.6%	721%	3,480	51	71,800	45,878	(122)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	17,000	4.8%	486%	12,940	27	71,800	17,429	429	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	17,800	3.5%	559%	35,260	61	71,800	17,715	(85)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,750	2.7%	250%	12,010	79	71,800	7,676	(1,074)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	90	-59.1%	-94%	136,330	2	31,700	0	(90)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	6,790	4.3%	36%	14,490	51	31,700	4,283	(2,507)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,510	-3.5%	109%	1,980	105	31,700	105	(2,405)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,550	-2.5%	-14%	16,080	27	31,700	438	(1,112)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,400	4.4%	85%	9,720	61	31,700	167	(2,233)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,450	1.5%	15%	7,190	65	31,700	61	(3,389)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
GMD	(New)	HOSE	39,000	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	15,500	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
KDH	(New)	HOSE	38,900	42,300	31/05/2021	1,147	2,157	17,973	14%	8%	19.6	2.4	-
NLG	(New)	HOSE	38,200	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	(New)	HOSE	31,700	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	106,100	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	55,000	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	29,300	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	38,100	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	35,000	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	55,500	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	27,100	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	41,400	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	34,250	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	38,700	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	76,000	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,300	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	25,800	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	114,100	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	95,800	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	136,400	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	156,900	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	104,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	89,100	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	85,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	36,400	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	106,300	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

VGG		UPCOM	42,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	102,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	42,450	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	50,800	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,050	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	56,600	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	61,800	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	81,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	20,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	36,300	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	71,100	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	53,800	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,000	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	39,100	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	87,400	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	55,600	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	22,700	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	58,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	19,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,550	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	38,200	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	86,200	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,100	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.